

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 127 /SYT-NV
V/v triển khai Bộ tiêu chí đánh giá
nguy cơ dịch bệnh bạch hầu trên
địa bàn tỉnh.

Đồng Nai, ngày 07 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.
(Sau đây gọi là các đơn vị)

Thực hiện Quyết định số 5965/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu (Quyết định gửi kèm), Giám đốc Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu nội dung Bộ tiêu chí đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu ban hành kèm theo quyết định nêu trên của Bộ trưởng Bộ Y tế; chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn cho Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh trên người các xã/phường/thị trấn đánh giá nguy cơ và xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bạch hầu trên địa bàn.

2. Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm đầu mối hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật và giám sát việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu trên địa bàn tỉnh, tham mưu Sở Y tế chỉ đạo các nội dung thuộc thẩm quyền.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- BCĐ phòng, chống dịch bệnh trên người các huyện, TP (phối hợp chỉ đạo);
- PYT các huyện, TP;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.



GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5965 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 4782/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí khung đánh giá nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

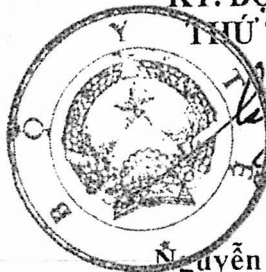
Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng y tế các Bộ, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm KSBT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trường Sơn

BỘ Y TẾCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ DỊCH BỆNH BẠCH HẦU***(ban hành kèm theo Quyết định số 5965 /QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế)***PHẦN I. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

Xã/phường/thị trấn:, Quận/huyện/Thị xã/TP:, Tỉnh/TP:

Thời điểm đánh giá: Ngày Tháng Năm 20.....

TT	Tên tiêu chí	Khái niệm	Cách đo lường	Nguồn thông tin	Thang điểm/ Điểm tối đa	Ghi chú
I	CÁC TIÊU CHÍ CHÍNH				70 điểm	
1	Sự lưu hành của bệnh bạch hầu trên người				35 điểm	<i>Chọn mục 1.1 hoặc 1.2</i>
1.1	Sự lưu hành của bệnh bạch hầu trên người tại <i>xã/phường/thị trấn (xã)</i>	Ca bệnh bạch hầu trong 5 năm gần nhất ghi nhận tại xã	Có/không	Trạm y tế (TYT) xã	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có ca bệnh: 35 điểm ▪ Không có ca bệnh: 0 điểm 	Nếu có ca bệnh tại xã thì không chấm điểm
1.2	Sự lưu hành của bệnh bạch hầu trên người tại khu vực lân cận	Ca bệnh bạch hầu trong 5 năm gần nhất của xã lân cận <i>(Xã lân cận cùng huyện hoặc khác huyện)</i>	Có/không	TYT xã Thông tin từ giao ban chuyên môn định kỳ	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có ca bệnh: 20 điểm ▪ Không có ca bệnh: 0 điểm 	đối với khu vực lân cận

TT	Tên tiêu chí	Khái niệm	Cách đo lường	Nguồn thông tin	Thang điểm/ Điểm tối đa	Ghi chú
2	Miễn dịch cộng đồng				35 điểm	
	Tỷ lệ tiêm chủng Bạch Hầu ở trẻ dưới 5 tuổi.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm đủ 4 mũi/tổng số trẻ em dưới 5 tuổi	Tỷ lệ %	Số liệu báo cáo tiêm chủng (tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng dịch vụ, tiêm chủng chống dịch)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ $\geq 90\%$: 0 điểm ▪ 70% đến dưới 90%: 20 điểm ▪ 50% đến dưới 70%: 25 điểm ▪ Dưới 50% hoặc không đủ 4 mũi: 35 điểm ▪ Có thôn/bản có tỷ lệ tiêm chủng dưới 30%: 35 điểm 	Chọn 1 trong các lựa chọn
II	MỘT SỐ TIÊU CHÍ LIÊN QUAN				30 điểm	
1	Có người đi từ vùng dịch về	Người sinh sống/làm việc tại xã có bạch hầu đi đến xã đang đánh giá	Có/không	Thông tin báo cáo từ cộng đồng và các ban ngành đoàn thể	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Không: 0 điểm ▪ Có: 3 điểm 	
2	Người dân có thói quen thường xuyên rửa tay với xà phòng	Nhận định hoặc kết quả khảo sát về thói quen thường xuyên rửa tay với xà phòng của người dân trong xã	Đánh giá định tính hoặc tính theo tỉ lệ % nếu có khảo sát	TYT Trường học Cơ quan công sở Khảo sát tại	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đa số (>75%) người dân trong xã có thói quen: 0 điểm ▪ Phần lớn (50%-75%) người dân có thói quen: 1 điểm 	

TT	Tên tiêu chí	Khái niệm	Cách đo lường	Nguồn thông tin	Thang điểm/ Điểm tối đa	Ghi chú
				cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Một số (25%-<50%) người dân có thói quen: 2 điểm ▪ Rất ít người dân (<25%) hoặc người dân không có thói quen: 3 điểm 	
3	Xã có ban chỉ đạo phòng chống dịch	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo	Có/không	UBND cấp xã TYT	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có Quyết định và ban chỉ đạo hoạt động hiệu quả: 0 điểm ▪ Có Quyết định thành lập nhưng ban chỉ đạo ít hoạt động: 2 điểm ▪ Không có ban chỉ đạo: 3 điểm 	
4	Xã có kế hoạch phòng chống dịch bạch hầu tại địa bàn	Bản kế hoạch được phê duyệt	Có/không	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có Kế hoạch phòng chống dịch bạch hầu: 0 điểm ▪ Có Kế hoạch phòng chống dịch chung, trong đó có bạch hầu: 2 điểm ▪ Không có: 3 điểm 	<p>Kế hoạch phòng chống dịch chung</p> <p>Kế hoạch phòng chống dịch theo mùa</p>
5	Chính quyền và các ban	Sự tham gia của chính	Có/không	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có sự tham gia của 	

TT	Tên tiêu chí	Khái niệm	Cách đo lường	Nguồn thông tin	Thang điểm/ Điểm tối đa	Ghi chú
	ngành, đoàn thể (<i>già làng, trưởng bản, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, đoàn thanh niên, trường thôn, ấp...</i>) có tham gia phòng chống dịch	quyền và các ban ngành, đoàn thể trong phòng chống dịch			chính quyền và từ 3 ban ngành, đoàn thể ngoài y tế: 0 điểm <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có sự tham gia của chính quyền và 1-2 ban ngành đoàn thể ngoài y tế: 2 điểm ▪ Không có sự tham gia của chính quyền/ ban ngành ngoài y tế: 3 điểm 	
6	Năng lực chuyên môn giám sát, xử lý ổ dịch của địa phương	Năng lực giám sát tại cơ sở y tế, cộng đồng; năng lực lấy mẫu xét nghiệm xác định tác nhân; năng lực điều tra, xử lý ổ dịch	- Cán bộ được tập huấn, hướng dẫn về giám sát, phòng chống dịch bạch hầu - Có sự hỗ trợ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh	Báo cáo, số liệu giám sát	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có đủ cán bộ, cán bộ được tập huấn và/hoặc có hỗ trợ của CDC tỉnh: 0 điểm ▪ Có đủ cán bộ, cán bộ chưa được tập huấn và không có hỗ trợ của CDC tỉnh: 2 điểm ▪ Không đủ cán bộ, cán bộ chưa được tập huấn, không có hỗ trợ của CDC tỉnh: 3 điểm 	Tập huấn theo hệ thống Giao ban chuyên môn
7	Tập huấn về phòng chống lây nhiễm tại cơ sở y tế	Cán bộ được tham gia lớp tập huấn về các biện pháp phòng chống	Có/không	Báo cáo, số liệu giám sát	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có được tập huấn đầy đủ: 0 điểm ▪ Có được tập huấn 	

TT	Tên tiêu chí	Khái niệm	Cách đo lường	Nguồn thông tin	Thang điểm/ Điểm tối đa	Ghi chú
		lây nhiễm tại cơ sở y tế			nhưng chưa đủ: 2 điểm ▪ Không được tập huấn: 3 điểm	
8	Năng lực thực hiện truyền thông phòng chống bệnh bạch hầu	Có đủ tài liệu, phương tiện, nhân lực, kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông phòng chống bệnh bạch hầu	Có/không	Báo cáo, số liệu giám sát	▪ Có đủ tài liệu, phương tiện, nhân lực, kinh phí: 0 điểm ▪ Có tài liệu, phương tiện, nhân lực, kinh phí nhưng chưa đầy đủ: 2 điểm ▪ Không có tài liệu, phương tiện, nhân lực, kinh phí: 3 điểm	
9	Kinh phí cho phòng chống dịch của địa phương	Kinh phí được cấp hàng năm và đột xuất cho các hoạt động phòng chống dịch	Có/không	UBND cấp xã	▪ Có đủ kinh phí phòng chống dịch: 0 điểm ▪ Có nhưng không đủ: 2 điểm ▪ Không có: 3 điểm	
10	Sự tiếp cận cơ sở y tế	Thời gian đi từ thôn xa nhất trong xã đến trạm y tế xã	<30 phút 30-60 phút >60 phút	TYT xã	▪ <30 phút: 0 điểm ▪ 30-60 phút: 2 điểm ▪ > 60 phút: 3 điểm	

PHẦN II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ DỊCH BỆNH BẠCH HẦU

1. Mục đích của Bộ tiêu chí

- Dự báo nguy cơ dịch bạch hầu có thể xâm nhập, phát sinh và bùng phát tại địa phương.
- Làm cơ sở xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bạch hầu của địa phương.

2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

- Đối tượng áp dụng: cấp xã.
- Phạm vi áp dụng: đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu.

3. Tổ chức đánh giá

- Cơ quan/đơn vị đánh giá: Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh trên người tại xã/phường/thị trấn (gọi tắt là xã).
- Thời điểm đánh giá: Việc đánh giá nguy cơ dịch bệnh bạch hầu có thể tiến hành hàng năm (khoảng tháng 9 để xã lập kế hoạch cho năm tiếp theo) hoặc theo quý (theo mùa) hoặc bất kỳ thời điểm nào khi dịch bệnh bạch hầu có nguy cơ xâm nhập và bùng phát tại xã.

4. Chấm điểm và đánh giá mức độ nguy cơ dịch

- Bộ tiêu chí này gồm 2 nhóm: nhóm tiêu chí chính (2 tiêu chí) chiếm 70 điểm (mỗi tiêu chí tối đa 35 điểm) và nhóm tiêu chí liên quan (10 tiêu chí) chiếm 30 điểm (mỗi tiêu chí tối đa 3 điểm) trên tổng số 100 điểm.
- Nhóm tiêu chí chính gồm 2 tiêu chí quan trọng nhất (Sự lưu hành của bệnh bạch hầu trên người và Tỷ lệ tiêm chủng trong cộng đồng). Đây là 2 tiêu chí ảnh hưởng trực tiếp đến sự bùng phát của dịch bệnh bạch hầu tại địa phương.
- Dựa vào các thông tin, số liệu có sẵn hoặc thu thập được từ các nguồn, thực hiện đánh giá cho điểm từng tiêu chí và tính tổng điểm cho địa bàn xã.

Nguy cơ bùng phát dịch bạch hầu của xã được xác định ở 1 trong 3 mức tương ứng với tổng điểm đánh giá như sau:

- > 70 điểm: nguy cơ cao
- 50 - 70 điểm: nguy cơ
- < 50 điểm: nguy cơ thấp